

# Tổng hợp ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Global success kèm file PDF

Nắm vững [ngữ pháp tiếng Anh lớp 7](#) là chìa khóa quan trọng giúp học sinh tự tin làm chủ kiến thức và đạt kết quả cao trong chương trình Global Success. Bài viết này tổng hợp toàn bộ các điểm lý thuyết trọng tâm một cách chi tiết, kèm theo file PDF hỗ trợ việc ôn tập tại nhà hiệu quả. Hãy cùng ELSA Speak theo dõi và khám phá những thông tin hữu ích ngay sau đây để nâng cao khả năng ngôn ngữ của bạn

[Tổng hợp ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Global success kèm file PDF](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 1](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 2](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 3](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 4](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 5](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 6](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 7](#)

[Chủ đề giao thông mang đến những cấu trúc mới lạ về khoảng cách \(distance\) và các mẫu câu đưa ra lời khuyên tiếng Anh về đảm bảo an toàn cho người tham gia.](#)

[Sử dụng từ It để chỉ khoảng cách](#)

[Should/Shouldn't](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 8](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 9](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 10](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 11](#)

[Thì tương lai đơn \(Future simple\)](#)

[Đại từ sở hữu \(Possessive pronouns\)](#)

[Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 12](#)

**Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 1**

Nội dung bài học mở đầu tập trung vào cách diễn đạt các hoạt động thường nhật và sở thích cá nhân thông qua một thì thời gian rất quan trọng: **thì hiện tại đơn (Present simple tense)**. Đây là nền tảng cốt lõi trong ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 1, giúp học sinh miêu tả các thói quen hoặc sự thật hiển nhiên trong cuộc sống.

### Công thức khẳng định:

**S + V(s/es)**

Ví dụ:

- My father **reads** newspapers every morning. (Bố tôi đọc báo mỗi sáng.)
- They **walk** to school together. (Họ đi bộ đến trường cùng nhau.)

### Công thức phủ định:

**S + do/does + not + V (nguyên thể)**

Ví dụ:

- She **does not like** playing computer games. (Cô ấy không thích chơi trò chơi máy tính.)
- We **do not have** an English class on Tuesdays. (Chúng tôi không có tiết tiếng Anh vào các ngày thứ Ba.)

### Công thức nghi vấn:

**Do/Does + S + V (nguyên thể)?**

Ví dụ:

- **Do you collect** stamps? (Bạn có sưu tầm tem không?)
- **Does he live** in a big city? (Anh ấy có sống ở một thành phố lớn không?)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 2

Kỹ năng xây dựng cấu trúc câu được nâng cấp thông qua việc tìm hiểu các thành phần cấu tạo nên một ý tưởng hoàn chỉnh. Việc hiểu rõ cấu tạo câu đơn (Simple sentences) giúp học sinh tránh được các lỗi sai về cú pháp (syntax) khi thực hiện các bài tập ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 học kì 1.

### Cấu trúc chính:

**S + V + (O)**

**Ví dụ:**

- I love apples. (Tôi yêu táo.)
- The cat sleeps on the sofa. (Con mèo ngủ trên ghế sofa.)

**Lưu ý:** Câu đơn có thể chứa **chủ ngữ kép** hoặc **động từ kép** nhưng chỉ diễn đạt một ý tưởng độc lập duy nhất.

- **Lan and Mai** are best friends. (Lan và Mai là bạn thân.)  
→ *Lan and Mai* là chủ ngữ kép.
- He **cooked dinner and cleaned the house**. (Anh ấy đã nấu bữa tối và dọn dẹp nhà cửa.)  
→ *cooked and cleaned* là động từ kép.

### Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 3

Khi cần thuật lại những sự kiện đã diễn ra và kết thúc hoàn toàn trong quá khứ, người học cần áp dụng chính xác cấu trúc thì quá khứ đơn (Past simple tense). Học sinh cần đặc biệt lưu ý đến bảng động từ bất quy tắc để hoàn thành tốt các bài kiểm tra ôn tập ngữ pháp tiếng Anh lớp 7.

**Công thức khẳng định:**

**S + V2/ed**

**Ví dụ:**

- We **visited** the Louvre Museum **last summer**. (Chúng tôi đã tham quan bảo tàng Louvre vào mùa hè năm ngoái.)
- She **bought** a new bike **yesterday**. (Cô ấy đã mua một chiếc xe đạp mới vào hôm qua.)

**Công thức phủ định:**

**S + did not + V (nguyên thể)**

**Ví dụ:**

- They **did not go** to the cinema **last night**. (Họ đã không đi xem phim tối qua.)
- He **did not finish** his homework. (Anh ấy đã không hoàn thành bài tập về nhà.)

**Công thức nghi vấn:**

**Did + S + V (nguyên thể)?**

**Ví dụ:**

- **Did you see** the doctor **this morning**? (Bạn đã gặp bác sĩ sáng nay phải không?).
- **Did she call** you **yesterday**? (Cô ấy đã gọi cho bạn ngày hôm qua phải không?).

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 4

Khả năng mô tả và đánh giá sự vật sẽ trở nên phong phú hơn khi học sinh áp dụng linh hoạt các cấu trúc so sánh với like, different from hay so sánh bằng với (not) as ... as. Phần ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 4 này đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học so sánh các loại hình nghệ thuật hoặc sở thích khác nhau.

### So sánh giống nhau với Like:

S + V + like + N/Pronoun

#### Ví dụ:

- Her voice is **like** an angel's. (Giọng hát của cô ấy giống như một thiên thần.)
- This cake tastes **like** chocolate. (Chiếc bánh này có vị giống như sô cô la.)

### So sánh khác nhau với Different from:

**S + be + different from + N/Pronoun**

#### Ví dụ:

- My school is **different from** yours. (Trường của tôi khác với trường của bạn.)
- Life in the city is **different from** life in the country. (Cuộc sống ở thành phố khác với cuộc sống ở nông thôn.)

### So sánh ngang bằng với (Not) as ... as:

**S + be + (not) + as + adj + as + N/Pronoun**

#### Ví dụ:

- This film is **as** interesting **as** the book. (Bộ phim này thú vị bằng cuốn sách.)
- Swimming is not **as** difficult **as** running. (Bơi lội không khó bằng chạy bộ.)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 5

Sử dụng từ chỉ số lượng (some, a lot of, lots of) giúp câu văn trở nên rõ ràng và chuyên nghiệp hơn, đặc biệt là khi nói về chủ đề thực phẩm. Các lượng từ này là nội dung thường xuyên xuất hiện trong các bộ sách khác như Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Friends Plus hay Global Success.

**Some:** Dùng trong câu khẳng định hoặc câu đề nghị/mời. **Ví dụ:**

- There is **some** water in the bottle. (Có một ít nước trong chai).
- Would you like **some** milk? (Bạn có muốn dùng một ít sữa không?).

**A lot of / Lots of:** Dùng cho cả danh từ đếm được và không đếm được để chỉ số lượng lớn. **Ví dụ:**

- We have **a lot of** homework today. (Chúng tôi có rất nhiều bài tập hôm nay.)
- There are **lots of** people at the park. (Có rất nhiều người ở công viên.)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 6

Xác định mốc thời gian và vị trí một cách chuẩn xác bằng các Prepositions of time and place (giới từ chỉ thời gian và giới từ chỉ nơi chốn) là yếu tố then chốt để truyền đạt thông tin một cách hiệu quả trong giao tiếp. Việc phân biệt At, In, On là bài tập ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 cơ bản mà học sinh cần nắm vững.

- **Giới từ At:** Dùng cho giờ giấc hoặc địa điểm cụ thể. **Ví dụ:**
  - I get up **at** 6 o'clock. (Tôi thức dậy lúc 6 giờ.)
  - See you **at** the bus stop. (Hẹn gặp bạn tại trạm xe buýt.)
- **Giới từ On:** Dùng cho ngày trong tuần, ngày tháng hoặc trên bề mặt. **Ví dụ:**
  - We have a party **on** Saturday. (Chúng tôi có một bữa tiệc vào thứ Bảy.)
  - The book is **on** the desk. (Cuốn sách ở trên bàn làm việc.)
- **Giới từ in:** Dùng cho tháng, năm, mùa hoặc không gian lớn. **Ví dụ:**
  - My birthday is **in** July. (Sinh nhật của tôi vào tháng bảy.)
  - He lives **in** a small apartment. (Anh ấy sống trong một căn hộ nhỏ.)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 7

Chủ đề giao thông mang đến những cấu trúc mới lạ về khoảng cách (distance) và các mẫu câu đưa ra lời khuyên tiếng Anh về đảm bảo an toàn cho người tham gia.

### Sử dụng từ It để chỉ khoảng cách

Học sinh cần ghi nhớ cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 7 này để hỏi và trả lời về độ dài quãng đường.

**Cấu trúc:**

**It is + (about) + distance + from + A + to + B**

Ví dụ:

- **It is about** 5 kilometers **from** my house **to** school. (Khoảng 5 km từ nhà tôi đến trường).
- **It is** 100 meters **from** here **to** the post office. (Từ đây đến bưu điện là 100 mét.)

**Should/Shouldn't**

Cấu trúc Should và should not rất phổ biến khi đưa ra lời khuyên hoặc chỉ dẫn cho người khác.

Cấu trúc:

**S + should/shouldn't + V (nguyên thể)**

Ví dụ:

- You **should** wear a helmet when riding a bike. (Bạn nên đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp.)
- We **shouldn't** park our cars here. (Chúng ta không nên đỗ xe ở đây.)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 8

Cấu trúc Although/Though và However là phần kiến thức quan trọng trong ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 8 nhằm kết nối các ý tưởng có tính chất tương phản. Sử dụng các liên từ chỉ sự đối lập giúp các đoạn văn trở nên mạch lạc và logic hơn khi trình bày quan điểm cá nhân.

- **Although/Though:** Thường đứng đầu câu hoặc giữa hai mệnh đề. **Ví dụ:**
  - **Although** the movie was boring, he watched it to the end. (Mặc dù bộ phim rất chán, anh ấy vẫn xem đến cuối cùng.)
  - She went to school, **though** she felt sick. (Cô ấy đã đi học mặc dù cô ấy cảm thấy mệt).
- **However:** Đứng sau dấu chấm và ngăn cách với mệnh đề sau bằng dấu phẩy. **Ví dụ:**
  - The weather was bad. **However**, they went for a walk. (Thời tiết rất xấu. Tuy nhiên, họ vẫn đi dạo.)
  - He studied hard. **However**, he failed the exam. (Anh ấy đã học hành chăm chỉ. Tuy nhiên, anh ấy đã trượt kỳ thi.)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 9

Việc đặt câu hỏi Yes/No (Yes No Questions) đúng cấu trúc là bước đầu tiên để duy trì một cuộc đối thoại tự nhiên và hiệu quả. Nắm vững các cách đặt câu hỏi trong tiếng Anh là trọng tâm giúp học sinh tương tác về các chủ đề lễ hội và sự kiện văn hóa.

**Với động từ to be:**

**Be + S + ...?**

Ví dụ:

- **Is she** a famous singer? (Cô ấy có phải là một ca sĩ nổi tiếng không?).
- **Are they** excited about the festival? (Họ có hào hứng với lễ hội không?).

**Với động từ thường:**

Do/Does/Did + S + V (nguyên thể)?

Ví dụ:

- **Do you like** folk music? (Bạn có thích nhạc dân gian không?).
- **Did they attend** the party last night? (Họ có tham dự bữa tiệc tối qua không?).

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 10

Kiến thức thì hiện tại tiếp diễn (Present Continuous) mô tả các hoạt động đang diễn ra tại thời điểm nói hoặc các kế hoạch trong tương lai gần, giúp người nói cung cấp thông tin trực quan và sống động về môi trường xung quanh.

**Công thức khẳng định:**

**S + am/is/are + V-ing**

Ví dụ:

- I **am reading** a book about energy sources. (Tôi đang đọc một cuốn sách về các nguồn năng lượng.)
- They **are playing** football **now**. (Họ đang chơi bóng đá lúc này.)

**Công thức phủ định:**

**S + am/is/are + not + V-ing**

Ví dụ:

- She **is not watching** television **at the moment**. (Cô ấy không xem tivi vào lúc này.)
- We **are not** going out because it is raining. (Chúng tôi không đi ra ngoài vì trời đang mưa.)

### Công thức nghi vấn:

Am/Is/Are + S + V-ing?

### Ví dụ:

- **Are you listening** to music? (Bạn đang nghe nhạc phải không?)
- **Is he working** in the garden? (Anh ấy đang làm việc trong vườn phải không?)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 11

Khả năng dự đoán về tương lai và xác định quyền sở hữu là những mảnh ghép tiếp theo để hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ.

### Thì tương lai đơn (Future simple)

Học sinh sử dụng cấu trúc will với thì tương lai đơn (Future simple) để đưa ra các lời hứa hoặc dự đoán về cuộc sống sau này.

### Cấu trúc:

**S + will + V (nguyên thể)**

### Ví dụ:

- I **will** call you tonight. (Tôi sẽ gọi cho bạn tối nay.)
- I think it **will** rain tomorrow. (Tôi nghĩ ngày mai trời sẽ mưa.)

### Đại từ sở hữu (Possessive pronouns)

Việc dùng đại từ sở hữu để thay thế cho cụm tính từ sở hữu + danh từ giúp câu văn ngắn gọn và tránh lặp lại những danh từ đã biết.

### Ví dụ:

- This bag is **mine**. (Chiếc túi này là của tôi.)
- Their house is bigger than **ours**. (Nhà của họ lớn hơn nhà của chúng tôi.)

## Ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 Unit 12

Kết thúc chương trình học là các quy tắc về mạo từ a/an/the giúp định danh sự vật một cách chính xác nhất trong mọi ngữ cảnh. Đây là phần kiến thức bổ trợ quan trọng cho ngữ pháp tiếng Anh lớp 7 | Learn Smart World và các chương trình giáo khoa khác.

- **Mạo từ A/An:** Dùng cho danh từ số ít đếm được khi chưa xác định hoặc nhắc đến lần đầu. **Ví dụ:**
  - I have **an** umbrella. (Tôi có một chiếc ô.)
  - She is **a** doctor. (Cô ấy là một bác sĩ.)
- **Mạo từ The:** Dùng cho danh từ đã được xác định hoặc là vật duy nhất. **Ví dụ:**
  - The sun rises in **the** East. (Mặt trời mọc ở đằng đông).
  - I saw a cat. **The** cat was black. (Tôi thấy một con mèo. Con mèo đó màu đen.)

*Hy vọng bản tổng hợp **ngữ pháp tiếng Anh lớp 7** chi tiết này sẽ giúp các bạn học sinh tự tin hơn trong quá trình ôn tập và làm bài thi. ELSA Speak luôn sẵn sàng đồng hành cùng bạn để xây dựng nền tảng kiến thức vững chắc và cải thiện kỹ năng ngôn ngữ mỗi ngày. Đừng quên khám phá thêm nhiều kiến thức bổ ích khác trong danh mục ngữ pháp nâng cao để nâng cao trình độ tiếng Anh của bản thân nhé!*